TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 533/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 17 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

Và ông **Võ Ngọc D**, sinh năm 1982;

Nơi thường trú: Khóm G, Phường H, thị xã I, tỉnh K;

Nơi tạm trú: 58/1 Tổ M, Khu phố N, phường O, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2012 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E cấp ngày 19/7/2012; số: 69/2012; quyển số: 01/2012). Nay, bà T và ông D yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D có với nhau 02 (hai) người con Võ Nguyễn L, sinh ngày 27/12/2012; Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 12/5/2018. Bà T – ông D thỏa thuận:

Bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con tên N đến khi thành niên.

Ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con tên L đến khi thành niên.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D thỏa thuận: Bà T tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể N sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E cấp ngày 19/7/2012; số: 69/2012; quyển số: 01/2012 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 (hai) người con Võ Nguyễn L, sinh ngày 27/12/2012; Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 12/5/2018.

Giao người con tên N cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Giao người con tên L cho ông Võ Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà T được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022909 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND xã C, huyện D, tỉnh E;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim